

Số: ...850...../QĐ-ĐHK&QTKD-TTPC

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 09 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

V/v Kiện toàn Ban phòng, chống tham nhũng  
của trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02 tháng 08 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 05 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Luật phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2018. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Thanh tra – Pháp chế.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Kiện toàn Ban phòng, chống tham nhũng của trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, gồm các Ông, Bà (có tên trong danh sách kèm theo).

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 104/QĐ-ĐHK&QTKD-TTPC ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh về việc Kiện toàn Ban phòng, chống tham nhũng của trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh

**Điều 2.** Các thành viên trong Ban phòng, chống tham nhũng của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật hiện hành về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi được phân công phụ trách.

**Điều 3.** Các Ông, Bà có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/hiện);
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT, TTPC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Trần Quang Huy

**DANH SÁCH BAN PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

*(Kèm theo Quyết định số: 859/QĐ-ĐHKT&QTKD-TTPC ngày ... tháng ... năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh)*

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1.	Ông Trần Quang Huy	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2.	Ông Đỗ Anh Tài	CTHD Trường - Phó Hiệu trưởng	Phó Trưởng ban
3.	Ông Trần Nhuận Kiên	Phó Hiệu trưởng	Phó Trưởng ban
4.	Ông Nguyễn Tiến Lâm	Trưởng Phòng TTPC	Ủy viên thường trực
5.	Ông Đinh Hồng Linh	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
6.	Bà Hoàng Thị Thu	Trưởng Khoa NHTC	Ủy viên
7.	Ông Mai Việt Anh	Trưởng Phòng KT&ĐBCLGD	Ủy viên
8.	Ông Trần Văn Quyết	Trưởng Phòng KHCN&HTQT	Ủy viên
9.	Bà Hoàng Thị Huệ	Trưởng Phòng HCTC	Ủy viên
10.	Ông Tạ Việt Anh	Trưởng Phòng QTPV	Ủy viên
11.	Ông Trần Lương Đức	CTCD Trường, Trưởng Phòng CT-HSSV	Ủy viên
12.	Ông Đoàn Mạnh Hồng	Giám đốc TT-TTTV	Ủy viên
13.	Ông Phạm Văn Hạnh	Trưởng Khoa QTKD	Ủy viên
14.	Bà Bùi Nữ Hoàng Anh	Trưởng Khoa Kinh tế	Ủy viên
15.	Ông Đỗ Đình Long	Trưởng Khoa QL-LKT	Ủy viên
16.	Ông Phạm Hồng Trường	Trưởng Khoa KHCB	Ủy viên
17.	Bà Đỗ Thị Thúy Phương	Trưởng Khoa Kế toán	Ủy viên
18.	Bà Nguyễn Thị Gấm	Trưởng Khoa Marketing-TM&DL	Ủy viên
19.	Bà Đặng Quỳnh Trinh	Trưởng phòng KHTC	Ủy viên
20.	Ông Nguyễn Quang Hợp	Viện trưởng Viện NCKT&PTNNL	Ủy viên
21.	Ông Phạm Minh Hoàng	Bí thư Đoàn thanh niên Trường	Ủy viên

*Ấn định danh sách 21 người./*



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ VÀ QTKD

Số: 718/BC-ĐHK&QTKD-TTPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 8 năm 2020

**BÁO CÁO**

V/v Cung cấp số liệu báo cáo công tác Phòng, chống tham nhũng từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2020

Thực hiện Công văn số 1431/ĐHTN-TTr ngày 6/8/2020 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc cung cấp số liệu báo cáo công tác PCTN.

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh báo cáo cung cấp số liệu về công tác PCTN cụ thể như sau:

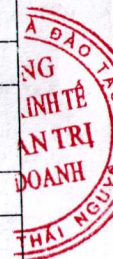
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả							06 tháng 2020	Tổng	
			2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019			
I	Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đối với công tác PCTN											
1.	Số văn bản được ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN	Văn bản	1	1	1	1	1	1	1	1	1	8
2.	Số cuộc giám sát, kiểm tra, đôn đốc công tác PCTN	Cuộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.	Số vụ tham nhũng được huyện ủy, thành ủy, thị ủy chỉ đạo xử lý	Vụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Thông tin, tuyên truyền, giáo dục về PCTN											
4.	Số cuộc họp, hội nghị, lớp/lượt người được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về PCTN	Cuộc/lượt	01	02	14	08	04	03	04	03	03	39



5.	Số sách/tài liệu về PCTN được phát hành	Cuốn	18	50	496	226	24	31	388	06	1239
6.	Số người có thành tích trong PCTN được biểu dương, khen thưởng	Người	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	Thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng										
7.	Số cuộc kiểm tra/số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra về công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động	Cuộc/đơn vị	0	15	25	2	2	2	1	1	48
8.	Số đơn vị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động	Đơn vị	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9.	Số người được chuyển đổi vị trí công tác để phòng ngừa tham nhũng/số người phải chuyển đổi vị trí công tác	Người	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10.	Số người kê khai tài sản, thu nhập/tổng số người phải kê khai	Người	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
11.	Số người đã xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12.	Số người bị xử lý do vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập	Người	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13.	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ ban hành mới	Văn bản	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14.	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	Văn bản	1	1	2	1	1	1	1	0	08
15.	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được bãi bỏ	Văn bản	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16.	Số cuộc kiểm tra/số đơn vị được kiểm tra về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc/đơn vị	0	0	0	0	0	0	0	0	0



17.	Số đơn vị/người bị xử lý do vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc/đơn vị	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18.	Số cuộc kiểm tra/số đơn vị được kiểm tra về quy tắc ứng xử	Cuộc/đơn vị	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19.	Số đơn vị/người bị xử lý do vi phạm quy định về quy tắc ứng xử	Đơn vị/người	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20.	Số người đứng đầu bị xử lý do để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị mình quản lý, phụ trách. Trong đó:										
	- Số người bị xử lý hình sự	Người	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Số người bị xử lý kỷ luật (kỷ luật Đảng, chính quyền)	Người	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IV	Phát hiện, xử lý tham nhũng										
21.	Số vụ/người tham nhũng bị phát hiện qua công tác kiểm tra, tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Vụ/người	0	0	0	0	0	0	0	0	0
22.	Số vụ/người tham nhũng bị phát hiện qua kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng	Vụ/người	0	0	0	0	0	0	0	0	0
23.	Số vụ/người tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ/người	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24.	Số vụ/người tham nhũng bị phát hiện qua công tác kiểm toán	Vụ/người	0	0	0	0	0	0	0	0	0
25.	Số vụ/người tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ/người	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26.	Số vụ/người tham nhũng bị phát hiện qua công tác nghiệp vụ của lực lượng	Vụ/người	0	0	0	0	0	0	0	0	0





	- Mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công	Vụ/người	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	Vụ/người	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản	Vụ/người	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Đầu tư xây dựng cơ bản	Vụ/người	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Đấu thầu	Vụ/người	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Công tác cán bộ	Vụ/người	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Lĩnh vực khác	Vụ/người	0	0	0	0	0	0	0	0	0
34.	Tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát do tham nhũng	Triệu đồng/tài sản khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
35.	Tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát do tham nhũng được thu hồi	Triệu đồng/tài sản khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Nơi nhận:

- Ban thanh tra –ĐHTN (đề b/c);
- Lưu: VT, TTPC.



PGS.TS. Trần Quang Huy